

Số: 3918 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình
Đường giao thông nội khu Buồn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông nội khu Buồn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4852/TTr-SGTVT ngày 04/10/2021 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông nội khu Buồn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 4862/SGTVT-TĐKHKT ngày 04/10/2021; Tờ trình số 139/TTr-QLDA ngày 14/9/2021 của Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Mường Lát và hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường giao thông nội khu Buồn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông nội khu Buồn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Mường Lát.

4. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hóa trong phạm vi các thôn thuộc thị trấn Mường Lát, huyện

Mường Lát, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông, tạo điểm nhấn về xây dựng điểm điển hình về giảm nghèo của huyện.

5. Quy mô đầu tư và tiêu chuẩn kỹ thuật: Đầu tư xây dựng 0,575km đường giao thông nội khu Buồn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380-2014.

6. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ tuyến: Tim tuyến cơ bản bám theo tim đường cũ, cải dịch cục bộ một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường và cải thiện tầm nhìn; tổng chiều dài $L=575\text{m}$, gồm:

- Tuyến số 1: chiều dài $L=245\text{m}$; điểm đầu Km0+00 nối với đường BTXM hiện có tại nhà văn hóa; điểm cuối Km0+245 cạnh nhà ông Vi Văn Lòi khu phố Buồn.

- Tuyến số 2: chiều dài $L=330\text{m}$; điểm đầu Km0+00 nối với đường BTXM hiện có tại nhà văn hóa; điểm cuối Km0+330 cạnh nhà ông Hà Văn Hình.

Tổng số có 12 đỉnh cong, bán kính nhỏ nhất $R_{\min}=20\text{m}$.

b) Cắt dọc: Cao độ thiết kế trên cơ sở cao độ đường cũ; đào, đắp cục bộ một số vị trí để cải thiện dốc dọc và đảm bảo độ êm thuận xe chạy. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=15\%$.

c) Cắt ngang:

- Chiều rộng nền đường $B_n=4,0\text{m}$;

- Chiều rộng mặt đường $B_m=3,0\text{m}$;

- Chiều rộng lề đất $B_{l\delta}=2\times 0,5=1,0\text{m}$;

- Độ dốc ngang: Mặt đường $i_{\text{mặt}}=2\%$; lề đường $i_{l\delta}=4\%$.

d) Mặt đường: Bề mặt bê tông xi măng M250 dày 16cm, móng bằng cấp phối đá dăm loại II dày 12cm; đối với các đoạn có dốc dọc $I\geq 10\%$, móng bằng bê tông xi măng M100 đá 4x6cm, dày 12cm.

e) Nền đường:

- Nền đắp: Bề mặt đất đào tận dụng, đầm lèn đạt độ chặt $K\geq 0,95$; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5.

- Nền đào: Độ dốc mái taluy nền đào 1/0,75.

g) Công trình thoát nước:

- Thoát nước mặt: Bề mặt chảy toả và rãnh dọc; rãnh đất hình thang tiết diện $(0,4+1,0)\times 0,3\text{m}$.

- Thoát nước ngang: Xây dựng mới 03 cống (02 cống bản 1,0m; 01 cống bản 1,5m). Kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép.

(chi tiết như hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật).

7. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại Lam Kinh.

8. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông đường bộ, cấp IV.

10. Số bước thiết kế: 01 bước (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

11. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:
Theo báo cáo kết quả thẩm định số 4862/SGTVT-TĐKHKT ngày 04/10/2021 của Sở Giao thông vận tải.

12. Tổng mức đầu tư: 1.196.887.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng); trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	994.210.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	26.536.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	136.433.000 đồng;
- Chi phí khác	:	7.928.000 đồng;
- Dự phòng	:	31.780.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo).

13. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2022.

14. Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Phương án tái định cư, giải phóng mặt bằng: Thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Mường Lát triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Mường Lát; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Mường Lát; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H'52.070, 52.129).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Công trình: Đường giao thông nội khu Buôn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng.

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH		GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng			903.827.481	90.382.748	994.210.000
II	Chi phí quản lý dự án	2,936%	* Gxdtt	26.536.375		26.536.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			124.211.703	12.221.169	136.433.000
1	Chi phí khảo sát địa hình	theo QĐ số 146/QĐ-QLDA ngày 06/8/2021		41.328.182	4.132.818	45.461.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5,4%	* Gxdtt	48.806.684	4.880.668	53.687.352
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,203%	* Gxdtt	28.949.594	2.894.959	31.844.553
4	Chi phí lập HSYC, Đánh giá HSĐX	0,346%	* Gxdtt	3.127.243	312.724	3.439.967
5	Phí thẩm định HSYC	0,05%	* Gxdtt	1.000.000		1.000.000
6	Phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%	* Gxdtt	1.000.000		1.000.000
IV	Chi phí khác			7.927.764		7.928.000
1	Phí thẩm định Báo cáo KTKT	0,215%	* TMĐT * 0,5	1.286.654		1.286.654
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%	* (TMĐT-DP)	6.641.110		6.641.110
V	Chi phí dự phòng	2,73%	(I+II+III+IV)	31.780.000		31.780.000
	Tổng cộng		(I+II+III+IV+V)	1.094.283.323	102.603.917	1.196.887.000